

Bản án số: 71/2024/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2024.
V/v: Ly hôn giữa chị Diên và
anh Ngoan.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1 – Bà Nguyễn Thị Hương.

2 – Ông Lò Văn Khết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trà My – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường La tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Hoan - Kiểm sát viên.

Ngày 15/8/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường La, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 về việc: Tranh chấp ly hôn, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị **Lò Thị D**, sinh năm 1989.

Trú tại: **Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Có đề nghị xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Lò Văn Đ**, Luật sư. Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm Trợ giúp viên pháp lý nhà nước, tỉnh Sơn La. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh **Lò Văn N**, sinh năm 1982.

Trú tại: **Bản P, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La**. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách, xã hội **huyện M, tỉnh Sơn La**.

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Đào Trọng D1** – Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. Có đề nghị xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/6/2024 và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị **Lò Thị D** trình bày:

Chị và anh **Lò Văn N** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, ngày 15/01/2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện M, tỉnh Sơn La. Cuộc sống chung không hạnh phúc, đến năm 2023 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh **Lò Văn N** không chăm lo xây dựng gia đình, nghiện ma túy. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không khắc phục được. Từ nhiều năm hai người sống không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị **Lò Thị D** xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu được ly hôn anh **Lò Văn N**.

Về con chung: Có ba con là **Lò Thị Thảo M**, sinh ngày 19/02/2009, **Lò Thị Hoài B**, sinh ngày 28/11/2010 và **Lò Đình D2**, sinh ngày 28/02/2019. Chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng ba con và theo nguyện vọng của các con. không yêu cầu anh **Lò Văn N** phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Điều không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị **Lò Thị D** công nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền 50.000.000, đồng chị nhất trí là người trả nợ.

Bị đơn anh **Lò Văn N** từ chối trình bày: Căn cứ vào ý kiến của cơ sở và các tài liệu có trong hồ sơ, xác nhận quan hệ hôn nhân giữa chị **Lò Thị D** và anh **Lò Văn N**. Xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn phù hợp với lời khai của nguyên đơn chị **Lò Thị D**. Xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được.

Về con chung: Có ba con là là **Lò Thị Thảo M**, sinh ngày 19/02/2009, **Lò Thị Hoài B**, sinh ngày 28/11/2010 và **Lò Đình D2**, sinh ngày 28/02/2019.

Về tài sản chung, riêng: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện M số tiền 50.000.000, đồng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C, xã hội huyện M, tỉnh Sơn La trình bày:

Căn cứ sổ vay vốn mã khách hàng 1600084396, ngày 21/11/2021 Ngân hàng cho gia đình chị **Lò Thị D** và anh **Lò Văn N** vay theo chương trình hộ nghèo, số tiền gốc vay là 50.000.000, đồng. Nay hai người ly hôn Ngân hàng yêu cầu chị **Lò Thị D** là người có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn N. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị D nuôi ba con là Lò Thị Thảo M, sinh ngày 19/02/2009, Lò Thị Hoài B, sinh ngày 28/11/2010 và Lò Đình D2, sinh ngày 28/02/2019 là đúng nguyện vọng của các cháu, anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, riêng: Nguyên đơn đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyên đơn chị Lò Thị D nhất trí trả khoản nợ 50.000.000, đồng cho ngân hàng chính sách xã hội huyện M. Nguyên đơn chị Lò Thị D thuộc hộ nghèo miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Việc áp dụng pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

Có căn cứ để xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn N.

Con chung: Giao cho chị Lò Thị D là Lò Thị Thảo M, sinh ngày 19/02/2009, Lò Thị Hoài B, sinh ngày 28/11/2010 và Lò Đình D2, sinh ngày 28/02/2019 là đúng nguyện vọng của các cháu. Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, riêng: Đề không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Lò Thị D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Sơn La: Khoản vay ngày 21/11/2021 số tiền vay gốc 50.000.000, đồng (năm mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh.

Chị Lò Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm do thuộc hộ nghèo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định của pháp luật. Tòa án phân tích, đánh giá, nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn anh Lò Văn N sau khi được thông báo về việc thụ lý vụ án, đã từ chối khai trình bày nguyện vọng, đã được cấp tổng đạt các văn bản tố tụng có xác nhận của Ủy ban nhân xã C, huyện M và đã triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, theo quy định của điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt anh Lò Văn N.

Chị **Lò Thị D** là dân tộc thiểu số cư trú vùng KT-XH đặc biệt khó khăn, thuộc hộ nghèo thuộc diện trợ giúp có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp là căn cứ.

Nguyên đơn chị **Lò Thị D** có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa, đồng thời có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn có mặt để bảo vệ cho nguyên đơn.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng C**, xã hội **huyện M**, **tỉnh Sơn La** có đơn đề nghị xử vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ theo quy định Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự có đủ căn cứ xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Lò Thị D** và anh **Lò Văn N** có đăng ký kết hôn, có tìm hiểu, tự nguyện là đúng pháp luật. Cuộc sống chung hoà thuận thời gian đầu, mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do anh **Lò Văn N** không chăm lo xây dựng gia đình, nghiện ma túy, dẫn đến hai người bất đồng quan điểm sống. Hai người sống ly thân đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau, xét mâu thuẫn vợ chồng không khắc phục được là có căn cứ.

Xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng chị **Lò Thị D** và anh **Lò Văn N** đã được gia đình và chính quyền khuyên giải, đã kéo dài, trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nay chị **Lò Thị D** yêu cầu được ly hôn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình. Cần chấp nhận xử cho chị **Lò Thị D** được ly hôn anh **Lò Văn N**.

[3] Về con chung: Có ba con **Lò Thị Thảo M**, sinh ngày 19/02/2009, **Lò Thị Hoài B**, sinh ngày 28/11/2010 và **Lò Đình D2**, sinh ngày 28/02/2019. Căn cứ vào nguyện vọng của chị **Lò Thị D** xin được nuôi ba con và đúng nguyện vọng của các con, nên cần chấp nhận giao cho chị **Lò Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng con **Lò Thị Thảo M**, **Lò Thị Hoài B** và **Lò Đình D2**. Chị **Lò Thị D** không yêu cầu anh **Lò Văn N** phải cấp dưỡng nuôi con, cần chấp nhận, theo quy định của các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung, riêng: Điều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Khoản nợ **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M** được xác định là khoản vay nợ về xây dựng gia đình nằm trong chương trình hỗ trợ hộ nghèo. Hiện xác định chị **Lò Thị D** nhất trí thanh toán trả nợ, đồng thời đại diện **Ngân hàng** cũng có yêu cầu chị **Lò Thị D** là người có trách nhiệm trả nợ gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh. Theo quy định Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Chấp nhận chị **Lò Thị D** có trách nhiệm trả nợ cho **Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M** số tiền vay gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh.

[6] Về ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Xử cho chị **Lò Thị D** được ly hôn anh **Lò Văn N**. Giao cho chị **Lò Thị D** trực tiếp nuôi dưỡng ba con **Lò Thị Thảo M**, **Lò Thị Hoài B** và **Lò Đình D2**. Anh **Lò Văn N** không phải cấp dưỡng nuôi con do nguyên đơn không yêu

cầu. Không giải quyết về tài sản chung, riêng. Về nợ chung chị Lò Thị D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M số tiền vay gốc là 50.000.000, đồng và lãi phát sinh, Hội đồng xét xử thấy là có căn cứ chấp nhận. Chị Lò Thị D thuộc hộ nghèo được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 37; khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án:

1. Xử cho chị Lò Thị D được ly hôn anh Lò Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị D trực tiếp nuôi ba con Lò Thị Thảo M, sinh ngày 19/02/2009, Lò Thị Hoài B, sinh ngày 28/11/2010 và Lò Đình D2, sinh ngày 28/02/2019. Anh Lò Văn N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về tài sản chung, riêng: Đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về Nợ chung: Chị Lò Thị D có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Sơn La: Khoản vay ngày 21/11/2021 số tiền vay gốc 50.000.000, đồng (năm mươi năm triệu đồng) và lãi phát sinh. Theo số vay vốn mã khách hàng 1600084396.

5. Về án phí: Chị Lò Thị D được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Lò Thị D, anh Lò Văn N, Ngân hàng Chính sách xã hội huyện M, tỉnh Sơn La được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mường La (2);
- Chi cục THADS huyện Mường La;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

- UBND xã Hua Trai, huyện Mường La, tỉnh Sơn La (đề vào sổ hộ tịch);
- Các đương sự (3);
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

(đã ký)

Nguyễn Minh Tuấn

